

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CĐVMU-ĐT ngày tháng năm 2019)

Tên ngành/ nghề: Logistics

Mã ngành/ nghề: 6340113

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Loại hình đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương trở lên

Thời gian đào tạo: 2,5 năm

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân Logistics có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khoẻ đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Giúp sinh viên nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- *Kiến thức:* Nắm vững kiến thức về các loại hình dịch vụ logistics, thị trường vận tải, đặc điểm sản xuất kinh doanh cũng như các chỉ tiêu khai thác và hiệu quả kinh doanh trong chuỗi cung ứng dịch vụ vận tải; Những vấn đề chung của cảng biển, hoạt động của cảng, quản trị cảng trên quan điểm hệ thống logistics; Thương vụ vận tải biển, chứng từ trong vận tải biển, bộ, sắt và vận tải đa phương thức; Kiến thức cơ bản liên quan đến hoạt động vận tải và thương mại

- *Kỹ năng:* Có khả năng lập và ký kết hợp đồng kinh tế, hợp đồng vận chuyển, thiết kế tổ chức vận tải và quản lý các đội phương tiện vận tải thuộc nhiều loại hình vận tải khác nhau; Tổ chức quản lý khai thác ở cảng; tổ chức quản lý và khai thác kho hàng; lựa chọn phương án khai thác có hiệu quả; tổ chức sản xuất trong doanh nghiệp, lập kế hoạch phân bổ nguồn lực của doanh nghiệp

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

• Cán bộ quản trị điều hành các phòng ban chức năng liên quan đến hoạt động sản xuất, vận hành chuỗi cung ứng và kinh doanh dịch vụ logistics

- Cán bộ tác nghiệp phòng kinh doanh quốc tế, phòng thu mua, mua hàng, quản lý kho bãi, nhà xưởng, cảng biển, sân bay, hãng tàu, hãng hàng không,...

- Nhân viên xuất nhập khẩu
- Nhân viên kinh doanh xuất nhập khẩu
- Nhân viên quản lý hàng hóa
- Nhân viên quản lý điều hành hoạt động vận tải
- Nhân viên kinh doanh Logistics...

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng học phần: 36 học phần
- Khối lượng kiến thức kỹ năng toàn khóa học: 1707 giờ
- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 325 giờ
- Khối lượng các học phần chuyên môn: 1668 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 760 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 833 giờ
- Thời gian thực hành, thực tập, kiểm tra: 908 giờ

3. Nội dung chương trình: *Khối lượng kiến thức toàn khóa: 85TC (Không tính các học phần GDTC, QPAN).*

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					LT	TH/TT/ TN/BT/TL	KT
I. CÁC HỌC PHẦN CHUNG/ ĐẠI CƯƠNG			18	325	123	186	16
1	5001	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
2	5002	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3	75	41	29	5
3	5003	Giáo dục chính trị	3	75	41	29	5
4	5004	Pháp luật	2	30	18	10	2
5	5005	Ngoại ngữ (Anh văn)	5	120	42	72	6
6	5006	Tin học	3	75	15	58	2
II. CÁC HỌC PHẦN CHUYÊN MÔN NGÀNH/NGHỀ			71	1668	760	833	75
II.1. Học phần cơ sở			40	1016	482	486	48
	<i>Bắt buộc</i>		34	880	440	396	44
7	15101	Kinh tế vi mô <i>Microeconomics</i>	3	60	30	27	3
8	15103	Kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomics</i>	3	60	30	27	3
9	15208	Nguyên lý thống kê <i>Fundamental & Business Statistics</i>	3	60	30	27	3

10	15508	Nguyên lý kế toán <i>Principles of Accounting</i>	3	60	30	27	3
11	25304	Tiếng Anh thương mại <i>Business English</i>	3	60	30	27	3
12	15802	Tổng quan logistics <i>Fundamental of Logistics and Supply Chain Management</i>	3	60	30	27	3
13	15603	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương <i>Foreign Trade Expertises</i>	3	60	30	27	3
14	15801	Marketing logistics	2	40	20	18	2
15	15804	Logistics và vận tải đa phương thức <i>Logistics and Multimodal transport</i>	2	40	20	18	2
16	15501	Tài chính tiền tệ <i>Money & Finance</i>	3	60	30	27	3
17	15401	Quản trị học <i>Fundamental of Management</i>	2	40	20	18	2
18	15718	Bảo hiểm trong ngoại thương <i>Foreign insurance</i>	2	40	20	18	2
19	11109	Đại cương hàng hải <i>General Maritime</i>	2	40	20	18	2
	<i>Tự chọn</i>		4/12	80	40	36	4
20	15301	Địa lý vận tải <i>Transport Geography</i>	2	40	20	18	2
21	15207	Kinh tế Cảng <i>Port Economics</i>	2	40	20	18	2
22	15306	Kinh tế vận chuyển <i>Maritime Economics</i>	2	40	20	18	2
23	15410	Marketing căn bản <i>Principles of Marketing</i>	2	40	20	18	2
24	15606	Quan hệ kinh tế thế giới <i>Economical Internation Relations</i>	2	40	20	18	2
25	15702	Luật thương mại <i>Trade Law</i>	2	40	20	18	2
II.1.4. Thực tập cơ sở ngành			2	56	2	52	
27	15841	Thực tập cơ sở ngành <i>Foundation Internships</i>	2	56	4	52	
II.2. Học phần chuyên môn ngành/ nghề			31	652	278	347	27
2.2.1. Chuyên ngành			23	460	230	207	23
	<i>Bắt buộc</i>		18	360	180	162	18
28	15304	Hàng hóa <i>Cargoes in transport</i>	2	40	20	18	2
29	15201	Quản lý khai thác cảng	3	60	30	27	3

		<i>Port management & Operation</i>					
30	15803	Logistics Cảng biển <i>Port Logistics</i>	3	60	30	27	3
31	15804	Logistics Vận tải <i>Transport Logistics</i>	3	60	30	27	3
32	15805	Logistics toàn cầu <i>Global Logistics</i>	3	60	30	27	3
33	15806	Logistics vận tải nội đô <i>City Logistics</i>	2	40	20	18	2
34	15813	Quản trị kho hàng <i>Warehouse Management</i>	2	40	20	18	2
	<i>Tự chọn</i>		5/10	100	50	45	5
35	15509	Kế toán doanh nghiệp <i>Business Accounting</i>	2	40	20	18	2
36	15601	Thanh toán quốc tế <i>International Payment</i>	3	60	30	27	3
37	15409	Quản trị chiến lược <i>Strategy management</i>	2	40	20	18	2
38	15405	Quản trị dự án <i>Invested Project management</i>	3	60	30	27	3
39	15402	Quản trị doanh nghiệp <i>Business Management</i>	2	40	20	18	2
2.2.2. Thực tập chuyên ngành			2	56	4	52	
40	15842	Thực tập chuyên ngành <i>Limited speciality internships</i>	2	56	4	52	
2.2.3. Thực tập tốt nghiệp			2	56	4	52	
41	15841	Thực tập tốt nghiệp <i>Graduation internship</i>	2	56	4	52	
II.2.4. Học phần tốt nghiệp			4	80	40	36	4
42	15809	Kinh doanh dịch vụ Logistics <i>Business Logistics Services</i>	2	40	20	18	2
43	15810	Logistics và chuỗi cung ứng <i>Logistics and Supply Chain</i>	2	40	20	18	2
Cộng							

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Chương trình dùng cho đào tạo sinh viên ngành Logistics đạt trình độ Cao đẳng tương đương Bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia (Ban hành kèm theo quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

- Các học phần chung bắt buộc: Được xây dựng và tổ chức thực hiện đào tạo theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4.2. Kế hoạch chương trình đào tạo: Chi tiết 5 kỳ học

4.3. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Đề sinh viên có nhận thức đầy đủ về ngành Logistics, Nhà trường tổ chức cho sinh viên đi thực tập tại các Công ty, nhà máy để rèn luyện và nâng cao kỹ năng nghề và kinh nghiệm thực tế. Kết thúc thực tập từng sinh viên phải có báo cáo thực tập trước khi xét điều kiện khóa luận tốt nghiệp hoặc dự thi tốt nghiệp. Điểm báo cáo thực tập được tính là điểm tổng kết học phần.

- Đề giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức về văn hóa xã hội bố trí cho sinh viên tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;

- Thời gian tham quan được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá;

4.5. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết học phần

- Sau khi học xong các học phần mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức kiểm tra kết thúc học phần hoặc có thể tổ chức kiểm tra kết thúc học phần vào thời điểm khác cho người học để đảm bảo đủ điều kiện xét công nhận tốt nghiệp.

- Thời gian, hình thức tổ chức kiểm tra kết thúc học phần được xác định và có hướng dẫn cụ thể cho từng học phần trong chương trình đào tạo;

4.6. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

- Người học phải học hết chương trình Cao đẳng chuyên ngành Logistics và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định thì sẽ được Nhà trường xem xét công nhận tốt nghiệp;

- Căn cứ kết quả học phần tốt nghiệp hoặc khóa luận tốt nghiệp và đảm bảo các điều kiện chuẩn đầu ra theo quy định, Hiệu trưởng nhà trường sẽ công nhận tốt nghiệp, cấp bằng cao đẳng và công nhận danh hiệu cử nhân

4.7. Các chú ý khác (nếu có):

- Khi thực hiện các bài giảng cần phải tuân thủ hình thức giảng dạy theo nội dung trong chương trình dạy nghề đã được phê duyệt./.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

TS. Khiếu Hữu Triển